TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HC-PT

Ngày 22-12-2023

V/v Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Thành và ông Vũ Duy Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bìnhxét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2023/TLPT-HC ngày 10 tháng 10 năm 2023 về *Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai* do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2023/QĐPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1961. (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Phạm Xuân C –** Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông **Nguyễn Thế C1**, sinh năm 1967. (Có mặt)

3.2 Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1960. (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Người kháng cáo: Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thế C1, bà Phạm Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện trình bày: Ngày 03/01/2023, ông Nguyễn Thế C1 là con trai bà Nguyễn Thị T hộ liền kề với gia đình ông có hành vi sử dụng một số vật cản để trên đường giao thông, dựng 01 hàng rào dây thép gai trên ngõ đi chung không cho gia đình ông đi từ nhà ra đường. Ông C1 làm việc này là do bà Phạm Thị L cũng là hộ liền kề với nhà ông nhờ làm. Ngày 05/01/2023, ông đã gửi đơn đề nghị Chủ tịch UBND xã D giải quyết vụ việc để đảm bảo quyền có lối đi cho gia đình ông. Chủ tịch UBND xã đã chỉ đạo cán bộ công chức của UBND xã phối hợp với cơ sở thôn T phân tích, hòa giải, ngày 06/01/2023 ông C1 đã tự thu dọn các vật cản, tháo dỡ hàng rào. Vài ngày sau hai bên mâu thuẫn, ông Công dựng lại hàng rào như cũ. Ông H đã đến UBND xã D báo cáo sự việc, yêu cầu Chủ tịch UBND xã D giải quyết dứt điểm nhưng Chủ tịch UBND xã D không buộc ông C1 và bà L thu dỡ hàng rào.

Ngày 06/02/2023 ông H phải gửi đơn khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã D đến Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, yêu cầu Toà án buộc Chủ tịch UBND xã D phải thực hiện nhiệm vụ công vụ, xử lý vi phạm trong sử dụng đất đai của ông C1, bà L. Ngày 21/6/2023, Chủ tịch UBND xã D đã chỉ đạo cán bộ công chức động viên ông C1 tự thu dỡ hàng rào, ông C1 đã thu dỡ một phần, gia đình ông H tạm thời có lối đi. Tuy nhiên đến ngày 23/6/2023, tức là chỉ hai ngày sau, ông C1 lại dựng hàng rào đúng ở vị trí đã thu dỡ. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án xác định hành vi của Chủ tịch UBND xã D không xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L và ông C1, không buộc bà L và ông C1 phải thu dỡ hàng rào dây thép gai dựng trái phép chắn ngang ngõ đi chung, trả lại mặt bằng ngõ đi chung để đảm bảo quyền về lối đi cho gia đình ông là hành vi trái pháp luật.

Người bị kiện trình bày:

Ngày 03/01/2023, UBND xã D nhận được phản ánh của bà Phạm Thị L về việc ông Phạm Văn H đã phá dỡ tường bao mà bà L xây dựng trên phần đất của cụ Phạm Thị T1 mẹ đẻ bà.

Chủ tịch UBND xã D đã thành lập và chỉ đạo tổ công tác của UBND xã và cán bộ thôn T xuống thực địa để xem xét. Tổ công tác xác định: Ông H đã phá dỡ 01 đoạn tường bao dài 5,46m, cao 1,5m do gia đình bà L xây dựng, là bức tường theo bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 bà L phải tháo dỡ vì bà xây trên diện tích đất của gia đình ông H. Cũng tại đây, tổ công tác phát hiện

có 01 hàng rào bằng dây thép gai, một số ngói brôximăng được xếp trên đường giao thông gần vị trí đoạn tường bao mà ông H phá dỡ. Ông Nguyễn Thế C1 thừa nhận bà L là người nhờ ông dựng hàng rào và để ngói brôximăng ra đường.

Ngày 05/01/2023, UBND xã nhận được đơn của ông H đề nghị UBND xã giải quyết việc ông C1 gây cản trở quyền sử dụng lối đi của gia đình ông ra đường giao thông.

Ngày 06/01/2023, Chủ tịch UBND xã đã chỉ đạo tổ công tác của UBND xã làm việc và yêu cầu ông C1 tự thu dọn toàn bộ hàng rào và ngói brôximăng mà ông xếp trên đường giao thông. Ngày 10/01/2023, Chủ tịch chỉ đạo tổ công tác và cán bộ thôn xuống kiểm tra thực địa thì thấy ông C1 đã thu dọn toàn bộ hàng rào dây thép gai, ngói brôximăng, tổ công tác kết luận: Đường giao thông đảm bảo thông thoáng, không có vật cản. Có lập biên bản giao nộp cho Tòa án.

Ngày 21/02/2023, ông H tiếp tục đến trụ sở UBND xã D phản ánh (bằng miệng) về việc gia đình ông lại không có lối đi do ông C1 đã dựng lại hàng rào. Ngày 22/02/2023, Chủ tịch chỉ đạo tổ công tác và cán bộ thôn xuống thực địa, xác định: Tại vị trí đoạn tường bao mà ông H phá dỡ xuất hiện 01 hàng rào dây thép gai. UBND xã xác định hàng rào không nằm trên vị trí đất giao thông mà nằm trên vị trí đất nhà ông H (theo bản án số 02/2021/DS-ST ngày 22/9/2021). Ngày 24/02/2023, Chủ tịch chỉ đạo tổ công tác và cán bộ thôn xác định ai là người căng dây thép gai. Kết quả xác định bà L là người nhờ ông C1 dựng hàng rào để bảo vệ tài sản của gia đình bà vì bà cho rằng phần đất này của mẹ đẻ bà (cụ Phạm Thị T1). Ngày 28/02/2023, Chủ tịch chỉ đạo tổ hòa giải thôn T, xã D tiến hành hòa giải, vận động bà L, ông C1 thu dỡ hàng rào để gia đình ông H có lối đi nhưng các bên không nhất trí tham dự cuộc hòa giải, vì vậy không vận động được.

Theo Chủ tịch UBND xã D và người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã D trong quá trình giải quyết yêu cầu của ông H gặp khó khăn do bản án số 02/2021/DSST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xác định bức tường mà gia đình bà L xây dựng có một phần rộng 5,63m nằm trên diện tích đất của gia đình ông H, tiếp giáp với đường giao thông, buộc bà L phải tháo dỡ bức tường để trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình ông H. Tuy nhiên, theo hồ sơ địa chính hiện lưu giữ tại UBND xã D thì phần đất của gia đình ông H tiếp giáp với đường giao thông chỉ rộng 0,6m nên bức tường bà L xây dựng nằm trong phần đất của cụ Phạm Thị T1 (tức cụ L1) mẹ đẻ bà L, như vậy việc xác định diện tích đất theo bản án của Tòa án và theo hồ sơ địa chính do UBND xã D đang quản lý không có sự thống nhất.

Sau khi ông H khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án tiến hành đo đạc vị trí cụ thể thì địa phương xác định: Nếu căn cứ theo số liệu đo đạc tại bản án dân sự số 02/2021/DSST ngày 22/9/2021 (bản án đã có hiệu lực pháp luật) để đo đạc vị trí hàng rào thì hàng rào do ông C1 bà L dựng lên nằm trên phần ngõ đi chung thuộc

quyền quản lý của UBND xã D. Do đó, Chủ tịch UBND xã D đã chỉ đạo tổ công tác tích cực giải quyết vấn đề này. Tổ công tác đã nhiều lần phân tích, động viên ông C1, bà L tháo dỡ hàng rào dây thép gai. Ngày 21/6/2023, ông C1 đã tự thu dỡ hàng rào nhưng sau đó giữa ông H và ông C1 xảy ra tranh chấp nên ngày 23/6/2023, ông C1 lại dựng lại hàng rào đúng vào vị trí tại thời điểm Tòa án tiến hành xem xét thẩm định.

Do địa phương chưa được cơ quan có thẩm quyền xác định mốc giới ngoài thực địa theo bản án, cũng chưa có thông báo của Chi cục Thi hành án về việc hoàn thành thi hành án, cũng chưa có cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo điều chỉnh mốc giới địa chính giữa hai gia đình. Mặc khác, theo hồ sơ địa chính do địa phương quản lý thì hàng rào nằm trên phần đất của mẹ đẻ bà L chứ không nằm trên đất giao thông. Do đó, việc Chủ tịch UBND xã D xử lý vi phạm hành chính đối với bà L, ông C1 và buộc họ phải thu dỡ hàng rào có những khó khăn vướng mắc dẫn đến việc địa phương chưa giải quyết dứt điểm yêu cầu của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị L trình bày: Trước đây bà là bị đơn trong vụ án dân sự mà Tòa án đã giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của ông H. Tại quyết định của bản án số 02/2021/DSST ngày 22/9/2021 Toà án nhân dân huyện Vũ Thư đã tuyên xử: Buộc bà phải tháo dỡ bức tường xây dựng trái phép trên diện tích đất của gia đình ông H nhưng bà không tháo dỡ vì bà xác định bức tường đó bà xây trên đất của mẹ đẻ bà, tuy nhiên bà không kháng cáo bản án. Ngày 03/01/2023, ông H tự ý đập phá một đoạn của bức tường do bà xây dựng, do cần bảo vệ tài sản của gia đình bà nên bà đã nhờ ông Nguyễn Thế C1 dùng dây thép gai rào lại, hàng rào này mới dựng nằm đúng vị trí bức tường mà ông H đã tự đập đi, còn ngõ đi là thuộc đất của gia đình cụ P, cụ T (bố mẹ đẻ ông C1), không phải là ngõ đi chung, không phải đất giao thông. Vì vậy bà và ông C1 sẽ không tháo dỡ hàng rào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thế C1 trình bày: Bản thân ông sau khi được cán bộ UBND xã D giải thích quy định của pháp luật, ông đã tự thu dọn toàn bộ vật cản để trên ngõ đi, không thu dỡ hàng rào dây thép gai vì ông và bà L đều xác định: vị trí hàng rào nằm trên đất thuộc quyền sử dụng của cụ Phạm Thị T1 (tức cụ L1). Còn ngõ đi mà ông H cho rằng đó là đất giao thông nhưng thực tế là thuộc quyền sử dụng của gia đình cụ Nguyễn Thế P1 và cụ Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ ông. Vì vậy, ông C1 không thu dỡ hàng rào trên.

Biên bản xác minh ngày 21/4/2023 với công chức Tư pháp, công chức địa chính của UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình cùng đồng chí trưởng thôn T, Bí thư Chi bộ thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình thể hiện: Chủ tịch UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình đã tiến hành giải quyết yêu cầu của ông H đúng như văn bản trình bày ý kiến của Chủ tịch UBND xã D, bà L và ông C1 đã tự nguyện thu dọn vật cản, thu dỡ hàng rào chắn ngang lối đi nhà ông H nhưng sau đó hai nhà

phát sinh mâu thuẫn, hàng rào lại được ông C1 dựng lên. Theo quan điểm của địa phương: Vị trí hàng rào không nằm trên diện tích đất ngõ đi chung do UBND xã quản lý mà nằm trên diện tích đất của gia đình ông H (theo bản án của Tòa án); nằm trên đất của cụ Phạm Thị T1 (theo hồ sơ địa chính do UBND xã quản lý). Hiện hàng rào dây thép gai chưa được thu dỡ, đề nghị Tòa án xác định chính xác vị trí hàng rào.

Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư đã áp dụng khoản 2 Điều 8, Điều 208 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 3, 4 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31; Khoản 1 Điều 157, Điều 193, Điều 204, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Khoản 3 Điều 16, khoản 1 Điều 38 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H. Xác định hành vi không ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật về sử dụng đất đai đối với ông Nguyễn Thế C1 và bà Phạm Thị L (do đã dựng hàng rào dây thép gai kích thước cao 1,35m, dài 3,40m trên đất giao thông, có sơ đồ kèm theo) của Chủ tịch UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình là hành vi hành chính trái pháp luật. Buộc Chủ tịch UBND xã D phải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định.

2. Về chi phí tố tụng: Chủ tịch UBND xã D phải chịu 1.000.000 đồng chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định. Do ông Phạm Văn H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên Chủ tịch UBND xã D phải hoàn trả cho ông H số tiền trên.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch UBND xã D phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra án còn tuyên về quyền thi hành ánvà quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Về kháng cáo:**

Trong thời hạn 15 ngày, Người bị kiện – Chủ tịch UBND xã D và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông C1, bà L nộp Đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết:

- Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D kháng cáo mục số 1 phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông C1, bà L kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa

án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã D trình bày:

Theo hồ sơ địa chính UBND xã D lưu giữ thì mảnh đất ở của ông H là đất ông mua lại của người khác với lịch sử lối đi từ nhà ra đường giao thông chỉ có kích thước rộng 0,55m (làm tròn là 0,60m) nên bức tường bà L xây dựng thực chất vẫn có phần nằm trên phần đất của cụ Phạm Thị T1 (tức cụ L1) là mẹ đẻ của bà L. Tuy nhiên, số đo diện tích đất của gia đình ông H theo Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DSST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư và theo hồ sơ địa chính do UBND xã D đang quản lý không phù hợp dẫn đến việc xác định vị trí bức tường chắn lối đi có kích thước 5,63m nằm trên đất ông H là chưa chính xác. Vì không có sự thống nhất giữa kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của bản án dân sự với hồ sơ địa chính tại địa phương. Việc thi hành bản án dân sự cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền xác định mốc giới theo quyết định của bản án trên thực địa, ông C1 lại nhiều lần thay đổi vị trí dựng hàng rào nên UBND xã D thấy không đủ căn cứ để lập biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với ông C1, bà L. Mặt khác, nếu bà L có trả lại ông H 0,55m quyền về ngõ đi theo hồ sơ địa chính xã đang quản lý để ông H có lối đi ra đường giao thông thì việc đi lại cũng rất khó khăn. Chủ tịch UBND xã và tổ công tác muốn có thời gian giải quyết để hoà giải, yêu cầu bà L nhượng lại một diện tích phù hợp để ông H có ngõ đi rộng hơn.

Sau khi làm việc với Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình, cùng Thẩm phán xem xét lại thực địa cũng như diễn biến tại phiên toà, Chủ tịch UBND xã D xác định hàng rào dây thép gai do bà L nhờ ông C1 dựng nằm trên ngõ đi chung chắn ngang phần đất đi ra ngõ đi chung của gia đình ông H, không phải nằm trên vị trí bức tường theo bản án dân sự. Vì vậy thông qua người đại diện theo uỷ quyền, Chủ tịch UBND xã xin rút toàn bộ nội dung đã kháng cáo để thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông C1, bà L trình bày: Tòa án và Chủ tịch UBND xã xác định hàng rào dây thép gai hiện nay nằm trên đất giao thông là không đúng. Ông C1, bà L khẳng định hàng rào này nằm trên đất thuộc quyền sử dụng của cụ Phạm Thị T1. Vì vậy ông C1, bà L không có trách nhiệm phải thu dỡ hàng rào này, đồng thời UBND xã D cũng không được xử lý vi phạm hành chính đối với bà L, ông C1.

Người khởi kiện – ông H trình bày: Tính đến ngày hôm nay hàng rào do ông C1 dựng lên vẫn chắn ngang ngõ khiến gia đình ông không có lối nào để đi lại, phải luồn qua vườn đi nhờ nhà khác nhưng lối đi nhỏ, các phương tiện như xe máy, xe đạp đều không qua được gây khó khăn cho sinh hoạt của cả gia đình, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông C1, bà L, giữ nguyên quyết định của

bản án sơ thẩm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:**

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện rút kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 16, khoản 1 Điều 38 Nghị định 91/NĐ-CP/2019 ngày 19/11/2019, Điều 206, Điều 208 Luật đất đai 2013, khoản 3 Điều 218, điểm c khoản 1 Điều 229 Luật tố tụng hành chính chấp nhận việc rút kháng cáo và đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo của người bị kiện. Đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông C1, bà L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của Chủ tịch UBND xã D, ông C1, bà L gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, bà L là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được miễn, Chủ tịch UBND xã D và ông C1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, vì vậy kháng cáo của Chủ tịch UBND xã D, ông C1, bà L là hợp lệ, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện rút toàn bộ kháng cáo, căn cứ khoản 3 Điều 218, điểm c khoản 1 Điều 229 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo và đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo của người bị kiện.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thế C1 cho rằng phần đất từ đường trục thôn vào ngõ đi giữa gia đình ông Phạm Văn H và gia đình ông Nguyễn Thế C1 thuộc quyền sử dụng đất của gia đình cụ Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của ông C1). Tuy nhiên, tại Công văn số 962/UBND-TNMT ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình đã xác định phần đất trên trên là đất giao thông do UBND xã D quản lý. UBND xã D căn cứ các tài liệu địa chính do UBND xã đang quản lý cũng khẳng định ngõ đi giữa hai gia đình ông C1 và ông H là đất giao thông do UBND xã D quản lý, không phải đất của hộ gia đình, cá nhân. Vì vậy việc ông C1,

bà L cho rằng hàng rào bà L nhờ ông C1 dựng trên phần đất của cụ T1, ngõ đi chung thuộc quyền sử dụng của cụ T là không có căn cứ.

- Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc hiện trạng ngày 25/5/2023 thể hiện: Hàng rào dây thép gai cao 1,35m dài 3,40m do ông C1 dựng nằm trên ngõ đi chung do UBND xã quản lý đã hạn chế việc sử dụng lối đi của gia đình ông H.

- Biên bản xác minh ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình tại UBND xã D thể hiện:

UBND xã không còn lưu trữ được bản đồ 299. Năm 1994-1995 Nhà nước đo đạc bản đồ 241. Theo bản đồ 241 tại thôn T, xã D, ông H là chủ sử dụng mảnh đất ở có số thửa 384, từ thửa 384 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông có 01 lối đi ra đường giao thông (phần giáp thửa đất ao số 383 của cụ T1). Chiếu theo sơ đồ vẽ hàng rào dây thép gai (đính kèm Bản án số 01/2023/HCST ngày 10/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Vũ Thư) thì lối đi đó thể hiện ở điểm 15 đến điểm 17 có chiều rộng 0,55m; Hàng rào dây thép gai do ông C1 dựng lên có chiều dài 3,4m (từ điểm 14 đến điểm 17), gần với vị trí bức tường mà ông H đã tự phá dỡ theo quyết định bản án dân sự (phần nối giữa điểm 5, 14, 15 và góc tường ao) được xác định nằm trên ngõ đi chung, chắn lối đi lại của gia đình ông H.

Đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND xã tại phiên toà phúc thẩm cũng đã xác định hàng rào dây thép gai do bà L nhờ ông C1 dựng lên chắn ngang ngõ không nằm trên vị trí bức tường bà L xây dựng mà ông H đã tự tháo dỡ theo quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DSST mà nằm phía ngoài, trên phần ngõ đi chung do UBND xã quản lý, chắn trước phần đất thuộc quyền sử dụng để đi ra ngõ của gia đình ông H. Hành vi đó đã cản trở quyền sử dụng lối đi chung của gia đình ông H, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã X rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và chấp hành bản án.

Như vậy, bà L, ông C1 dựng hàng rào dây thép gai trên đất giao thông do UBND xã D quản lý, chắn lối đi của gia đình ông H ra đường giao thông, gia đình ông H không có lối nào khác để đi lại là hành vi vi phạm hành chính cản trở quyền sử dụng đất của gia đình ông H bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 16 Nghị định 91/NĐ-CP/2019 ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Chủ tịch UBND xã D có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật đất đai theo quy định tại Điều 208 Luật đất đai 2013, có quyền xử lý đối với người có hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 206 Luật đất đai năm 2013. Việc Chủ tịch UBND xã mới chỉ vận động và cùng ông C1 02 lần thu dỡ hàng rào mà không ra quyết định xử phạt vi phạm đối với hành vi vi phạm của ông C1, bà L là chưa thực hiện hết nhiệm vụ công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định 91 NĐ-

CP/2019 dẫn đến sự việc chưa được giải quyết dứt điểm, ông C1, bà L vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm cản trở quyền sử dụng ngõ đi chung của gia đình ông H.

[3] Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm nhận thấy quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của ông C1, bà L là không có cơ sở chấp nhận, vì vậy cần căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông C1, bà L như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tại phiên tòa là đúng pháp luật.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Bà L là người cao tuổi, có đề nghị miễn án phí hành chính phúc thẩm, vì vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà L.

- Chủ tịch UBND xã D và ông C1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 218, điểm c khoản 1 Điều 229, khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính:

[1]. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

[2]. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thế C1, bà Phạm Thị L, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ khoản 2 Điều 8, Điều 206, Điều 208 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 157, Điều 193, Điều 204, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều khoản 3 Điều 16, khoản 1 Điều 38 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H. Xác định hành vi không ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật về sử dụng đất đai đối với ông Nguyễn Thế C1 và bà Phạm Thị L (do đã dựng hàng rào dây thép gai kích thước cao 1,35m, dài 3,40m trên đất giao thông, có sơ đồ kèm theo) của Chủ tịch UBND xã

D, huyện V, tỉnh Thái Bình là hành vi hành chính trái pháp luật. Buộc Chủ tịch UBND xã D phải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định.

2. Về chi phí tố tụng: Chủ tịch UBND xã D phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định. Do ông Phạm Văn H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên Chủ tịch UBND xã D phải hoàn trả cho ông H số tiền trên.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch UBND xã D phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

- Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Phạm Thị L.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng Ủy ban nhân dân xã D đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001959 ngày 29/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

- Ông Nguyễn Thế C1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng ông C1 đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001961 ngày 07/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 22/12/2023./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện Vũ Thư;
- Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn